

Bản án số: 81/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22/12/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bàng và bà Nguyễn Thị Vượng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang: Ông Phạm Công Thắng- Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 392/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2020 giữa các đương sự:

*** *Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1998

HKTT: Thôn An P, xã S, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Thôn M, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

*** *Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn An P, xã S, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** *Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2020, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G trình bày:***

Về quan hệ vợ chồng: Ngày 07/9/2018 chị có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn L tại UBND xã S dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn. Hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống ở tại nhà chồng ở S. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2020, thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, vợ chồng không hiểu nhau, chồng chị rất hay chơi game, hay rượu chè, đi sớm về khuya không quan tâm gì đến vợ con dẫn đến việc thường xuyên xảy ra xích mích cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng anh chị không thay đổi được tình hình. Sau đó do không chịu được cuộc sống chung, chị đã

dọn ra ngoài thuê nhà ở riêng, anh chị cũng ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh L để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Chị và anh L có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 03/2/2019. Hiện nay cháu đang ở với bố và ông bà nội. Khi vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung vì hiện tại cháu còn rất nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ. Hiện nay chị đang thuê nhà ở thôn M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang, có đăng ký tạm trú để ở cùng mẹ đẻ chị, mẹ đẻ chị làm nghề may và bán quần áo. Chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại chị đang làm công nhân của Công ty TNHH New Wing Interconnect Technology (Bắc Giang) thu nhập bình quân khoảng 9.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 27/11/2020 bị đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày:*

Về quan hệ vợ chồng: Ngày 07/9/2018, anh có đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị G tại UBND xã S dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn. Hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống ở tại S. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Anh xác định giữa vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, chỉ là do tự vợ anh suy nghĩ linh tinh, không hòa hợp với bố mẹ chồng nên đến khoảng đầu năm 2020, thì vợ anh tự bỏ nhà đi, không nghĩ gì đến con cái. Khi bỏ đi không nói năng gì với anh. Từ khi đi cho đến nay chỉ thỉnh thoảng mới về thăm con. Từ khi đẻ con ra tới nay, chị G không chú ý hay chăm nom gì đến con cái mà phó thác hoàn toàn cho bố mẹ chồng, nhưng lại tỏ thái độ không hài lòng khi thấy con chơi bẩn hoặc ốm đau. Chị G rất hay nói chuyện trống không với bố mẹ anh khiến cho mâu thuẫn giữa bố mẹ anh và chị G ngày càng sâu sắc. Bản thân anh ở giữa rất khó xử nên thỉnh thoảng anh cũng có to tiếng đôi lời với chị G. Sau khi chị G bỏ đi gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng chị G vẫn không thay đổi, đã tự ý dọn ra ngoài ở riêng và anh chị cũng ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị G và muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Anh cũng nói chuyện và khuyên giải chị G nhưng chị G nói không còn tình với anh và kiên quyết đòi ly hôn. Nếu chị G vẫn kiên quyết đòi ly hôn thì anh cũng đành chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Anh và chị G có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 03/02/2019. Hiện nay cháu đang ở với anh và ông bà nội. Khi vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung vì hiện tại cháu vẫn đang ở ổn định với anh và bố mẹ anh. Anh không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con

chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại anh đang làm công nhân của Công ty Cổ phần Biển Bạc Bắc Giang thu nhập bình quân từ khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tài liệu chứng cứ thu thập được:*

Tại biên bản làm việc ngày 11/11/2020, ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968, là bố đẻ anh L trình bày: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn L kết hôn năm 2018. Sau khi kết hôn thì chị G về sống cùng gia đình ông ngay. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị G không muốn ở nhà chồng, thường xuyên bỏ đi qua đêm. Gia đình đã động viên nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng hiện ly thân do chị G đã bỏ đi từ ngày 29/6/2020 đến nay. Về con chung, vợ chồng chị G có một con chung là Nguyễn Hoàng Anh, sinh ngày 03/02/2019. Hiện nay cháu vẫn đang ở với bố. Từ khi chị G bỏ đi có về thăm con được khoảng hai đến ba lần. Nay gia đình đề nghị Tòa án giao con cho anh L nuôi dưỡng. Lý do vì chị G không có nơi ở ổn định, không có công ăn việc làm ổn định, gia đình chị G ở xa tận Hà Tĩnh không thể giúp đỡ chị G chăm sóc con.

Tại biên bản xác minh ngày 11/11/2020, ông Nguyễn Trung T là trưởng thôn A, xã S cung cấp: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn L kết hôn năm 2018, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn thì chị G về sống cùng gia đình anh L tại địa phương ngay. Theo ông được biết hiện nay vợ chồng chị G, anh L xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc chị G đã bỏ đi khỏi nhà anh L còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể là gì thì ông không nắm được. Vợ chồng chị G có một con chung là Nguyễn Hoàng Anh, sinh ngày 03/02/2019. Hiện nay cháu vẫn đang ở với bố. Hiện chị G đi làm công nhân còn anh L làm lao động tự do, do nhưng ông không nắm được thu nhập cụ thể của chị G và anh L là bao nhiêu.

Tại biên bản làm việc ngày 25/11/2020, bà Hoàng Thị C, sinh năm 1975 mẹ đẻ của chị G trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị G và là mẹ vợ của anh Nguyễn Văn L. Bà cũng được biết về việc chị G và anh L đang giải quyết ly hôn tại Tòa án. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh chị thì bà không nắm được. Chỉ biết khoảng tháng 10/2020 thì chị G chuyển ra ngoài ở riêng không còn ở nhà chồng nữa nhưng vợ chồng đã mâu thuẫn từ trước đó lâu rồi. Từ sau khi vợ chồng chị G Linh xảy ra mâu thuẫn, bà và bố mẹ anh L có nói chuyện với nhau về việc của anh chị qua điện thoại một lần, từ đó không liên lạc hay gặp mặt gì. Về việc anh chị G Linh giải quyết ly hôn với nhau bà không có ý kiến gì vì đó là việc của cá nhân chị G và anh L. Trường hợp chị G được Tòa án giao nuôi con thì bà sẽ ra ở cùng chị G để chăm sóc con giúp chị G để chị yên tâm đi làm. Còn nếu chị G muốn đưa con về trong nhà bà ở Kỳ Anh, Hà Tĩnh thì bà cũng rất sẵn sàng đón mẹ

con chị về nhà bà ở cùng bà vì hiện tại nhà cửa bà ở quê rất rộng rãi đảm bảo, kinh tế gia đình bà cũng ổn định nên có thể đảm bảo cuộc sống ổn định, đầy đủ cho mẹ con chị G.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 17/11/2020 nhưng anh L vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và ấn định thời gian mở lại vào ngày 27/11/2020 nhưng chị G có đơn xin vắng mặt và đề nghị không tiến hành hòa giải nữa. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 15/12/2020, Tòa án đã mở phiên tòa nhưng anh L vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay anh L tiếp tục vắng mặt không có lý do. Chị G có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G và xử cho chị G được ly hôn anh Nguyễn Văn L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Anh, sinh ngày 03/02/2019 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị G có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn L kết hôn ngày 07/9/2018 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị G và anh L là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, xảy ra bất

đồng quan điểm sống và thường xuyên xích mích, cãi vã với nhau. Chị G đã chuyển ra ngoài sống riêng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Chị G yêu cầu ly hôn, anh L dù muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng nếu chị G vẫn kiên quyết ly hôn thì anh L cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị G và anh L có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Anh, sinh ngày 03/02/2019. Hiện nay cháu vẫn đang ở với anh L. Khi ly hôn, chị G và anh L đều nhận nuôi con chung. Xét thấy chị G và anh L đều làm công nhân tuy nhiên thu nhập của chị G ổn định hơn tiền lương được thanh toán trực tiếp qua tài khoản ngân hàng. Anh L tuy có cung cấp hợp đồng lao động và xác nhận lương của đơn vị sử dụng lao động tuy nhiên trong Hợp đồng lao động anh L cung cấp cho Tòa án không có chữ ký của anh L, không được đóng dấu giáp lai và ký nháy vào từng trang của hợp đồng, là hợp đồng không có thời hạn và không trả lương qua tài khoản ngân hàng. Chị G có mẹ đẻ là bà C ở cùng giúp đỡ chị G chăm sóc con cũng như sẽ tạo điều kiện về chỗ ăn ở, sinh hoạt đảm bảo cuộc sống cho chị G nuôi con khi ly hôn. Mặt khác, do cháu Hoàng Anh chưa được 36 tháng tuổi, còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ, chị G hoàn toàn đảm bảo được điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị G là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị G và anh L không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2.2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 03/02/2019 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị G không yêu cầu. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị G đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001623 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Bắc Giang,
- CCTHADS TP. Bắc Giang,
- UBND xã S, thành phố Bắc Giang.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thu Hằng